

Bản án số: 80/2019/HS-PT
Ngày: 19/7/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Khánh Thiện và ông Nguyễn Văn Quyết.

- Thư ký Tòa án: Bà Vũ Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 19/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2019/TLPT-HS ngày 06/6/2019 đối với các bị cáo Vũ Văn T, Vũ Văn L và Trần Đình V. Do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đối với Bản án số 16/2019/HS-ST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hải Dương.

1. Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

Vũ Văn T, sinh năm 1963.

ĐKKHKT: Xã B, huyện A, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hóa: 10/10. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Con ông Vũ Quốc C, sinh năm 1939 và con bà Phạm Thị D, sinh năm 1942. Vợ: Nguyễn Thị E, sinh năm 1965 và có 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ đã chết. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giam từ ngày 07/9/2018 tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương (có mặt).

2. Bị cáo có kháng cáo:

Vũ Văn L, sinh năm 1979.

ĐKKHKT: Xã B, huyện A, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hóa: 5/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Con ông Vũ Quốc C, sinh năm 1939 và con bà Phạm Thị D, sinh năm 1942. Vợ: An Thị G, sinh năm 1978 và có 01 con sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân Thân: Bản án số 10 ngày 25/5/2007 của Tòa án nhân dân (TAND) huyện A xử phạt 13 tháng tù về tội đánh bạc; Bản án số 19 ngày 31/3/2011 của TAND tỉnh Hưng Yên xử phạt 15 tháng tù về tội đánh bạc (cả hai bản án L đã chấp hành xong). Bị tạm giam từ ngày 02/11/2018 tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương đến nay (có mặt).

3. Bị cáo bị kháng nghị:

Trần Đình V (tên gọi khác: **Trần Đình K**), sinh năm 1990.

ĐKHKTT: Thị trấn A, huyện A, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Đình H, sinh năm 1968 và bà An Thị I, sinh năm 1970. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

4. Người liên quan đến kháng nghị:

4.1. Vũ Xuân M, sinh năm 1963. Địa chỉ: Xã N, huyện A, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

4.2. Trần Đình Q, sinh năm 1980. Địa chỉ: Khu 6 thị trấn A, huyện A, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 8/2018, Vũ Văn T đến nhà Vũ Văn L (là em trai) ở xã B, huyện A, tỉnh Hải Dương đặt vấn đề mượn 02 máy trò chơi điện tử của L đặt tại nhà kho của gia đình L để cho những người khác đến đánh bạc. L đồng ý.

Từ ngày 10/8/2018 đến ngày 16/8/2018, T đến nhà L để tổ chức cho người khác đánh bạc bằng hình thức chơi máy bắn cá, máy bắn gấu khi. Khi có người đến chơi thì T thu tiền và đổi tiền thành điểm bằng cách cài đặt vào máy số điểm tương ứng với số tiền; theo quy ước 1 điểm = 100 đồng. Người chơi vào các vị trí ô cửa trên máy, sử dụng máy để chơi các trò chơi thắng thua bằng điểm trên máy. Những người này thông qua máy để chơi với chủ máy là Vũ Văn T và độc lập với những người khác cùng chơi trên máy. Ai chơi thắng thì số điểm tăng lên, ngược lại chơi thua thì số điểm ghi trên máy giảm đi. Sau khi dùng chơi thì người chơi và T đổi điểm trên máy thành tiền để T trả cho người chơi. Tối 14 rạng ngày 15/8/2018, T ở nhà L để trông coi các máy chơi điện tử thì có Phạm Văn X ở xã S, huyện Ninh Giang và một số người đi đến chơi máy bắn cá, máy bắn gấu khi. Quá trình chơi

máy bắn cá, X thua 100.000 đồng nên cầm cố cho L 01 chiếc đồng hồ lấy 2.000.000 đồng để chơi tiếp. Sau khi chơi và thua hết số tiền cầm cố đồng hồ, X gọi điện thoại cho anh Nguyễn Xuân Y ở xã S, huyện Ninh Giang đến cho X vay 2.000.000 đồng để chuộc đồng hồ. Khi anh Y đến nhà L, đưa cho L 2.000.000 đồng để X chuộc đồng hồ về thì X không lấy đồng hồ về mà tiếp tục sử dụng 2.000.000 đồng này để chơi tiếp cho đến khi thua hết số tiền đã mua điểm thì về. Khoảng 0 giờ 30 ngày 16/8/2018, khi T đang ở nhà L thì có Trần Đình V (Trần Đình K); Trần Đình Q và Phạm Văn X đến chơi máy bắn cá; Vũ Xuân M đến chơi máy gấu khi; anh Nguyễn Tiến O và anh Nguyễn Doãn F đến xem. Trước khi chơi, V và Q trao đổi với T cứ cài đặt số điểm trên máy để họ chơi trước xong tính toán trả tiền sau, còn M và X trả tiền trước (quy đổi từ tiền ra điểm để T cài đặt trên máy). Khi chơi xong lại đổi điểm thành tiền dựa trên số điểm thắng thua lưu trên máy điện tử. Quá trình T tổ chức cho những người này chơi điện tử được thua bằng tiền đều được T ghi chép vào sổ để quản lý, thanh toán tiền. Quá trình chơi, T đã cài đặt cho những người chơi, cụ thể: Cho V 42 lần với tổng số điểm là 81.000 điểm bằng 8.100.000 đồng, V thắng 97.900 điểm bằng 9.790.000 đồng; cho Q 12 lần với tổng số điểm là 26.000 điểm bằng 2.600.000 đồng; Q đã thắng 21.600 điểm bằng 2.160.000 đồng; cho X 1000 điểm bằng 100.000 đồng, X thua 100 điểm còn 900 điểm bằng 90.000 đồng; cho M 02 lần bằng 4.000 điểm bằng 400.000 đồng, M thắng 3460 điểm bằng 346.000 đồng. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc 23.496.000 đồng. T bị thua 1.186.000 đồng.

Đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 16/8/2018, tổ công tác của Phòng Cảnh sát Hình sự Công an tỉnh Hải Dương phối hợp Công an xã B tiến hành kiểm tra, phát hiện Vũ Văn L đã rút điện làm mất điện tại nhà kho nơi đang tổ chức đánh bạc. Thu giữ, quản lý: 01 máy điện tử bắn cá, 01 máy điện tử bắn gấu - khi; 01 chiếc bút mực nước; 01 chìa khóa buộc dây với thẻ quẹt cứng màu xanh; 01 quyển vở học sinh, bên ngoài ghi “Máy bắn cá”; quản lý của T 12.830.000 đồng; quản lý của V 23.810.000 đồng; quản lý của Q 1.415.000 đồng; quản lý của M 1.270.000 đồng; còn X bỏ chạy.

Xác minh tại Phòng Tài chính - kế hoạch huyện A; Sở Thông tin & Truyền thông; Sở Văn hóa, thể thao & Du lịch; Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Hải Dương xác định: Vũ Văn L và Vũ Văn T không có giấy phép kinh doanh máy điện tử bắn cá, máy điện tử bắn gấu khi.

Kết quả thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm với Tập đoàn Công nghiệp viễn thông Quân đội xác định: Số 01656343655 đăng ký tên và do Vũ Văn

T sử dụng; số 0978625896 đăng ký tên và do Vũ Văn L sử dụng. Kết quả kiểm tra, giải trình điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37f lắp sim số 01656343655 của T tại mục tin nhắn với số 0978625896 của L có các tin nhắn: Lúc 23 giờ 42 ngày 14/8/2018, T nhắn cho L: X còn 1 triệu nữa phải không; L nhắn lại lúc 0 giờ 05 ngày 15/8/2018: Nếu Luyện chơi máy cá, máy gấu khi mà thắng được tiền thì trừ luôn 800.000 đồng tiền nợ L.

Tại Cáo trạng số 02/CT-VKS-P2 ngày 25/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương truy tố Vũ Văn T về tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự (BLHS); Vũ Văn L về tội “Gá bạc” theo khoản 1 Điều 322 BLHS; Trần Đình V (K) về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS. Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện VKSND huyện A tham gia phiên tòa đề nghị thay đổi tội danh đối với Vũ Văn T và Vũ Văn L: Quyết định truy tố T và L về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS; giữ nguyên quyết định truy tố đối với V. Và thay đổi cách tính điểm theo hướng lấy tổng số điểm (tương ứng với số tiền) mà T gây điểm cho người chơi, cộng với số tiền người chơi thắng (nếu có) tính đến thời điểm bị phát hiện, là số tiền bị cáo T sử dụng đánh bạc. Nên tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc xác định là 13.090.000 đồng.

Tại Bản án số 16/2019/HS-ST ngày 25/4/2019, Tòa án nhân dân (TAND) huyện A, tỉnh Hải Dương tuyên bố các bị cáo Vũ Văn T, Vũ Văn L, Trần Đình V phạm tội “Đánh bạc”. Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, 58, 38; điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS: Phạt Vũ Văn T 18 tháng tù, tính từ ngày tạm giam (ngày 07/09/2018). Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, 58, 38 BLHS: Phạt Vũ Văn L 17 tháng tù, tính từ ngày tạm giam (ngày 02/11/2018). Áp dụng pháp luật tuyên hình phạt đối với bị cáo V (K); tuyên hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, theo đó:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 13.236.000 đồng, trong đó:

+ Tịch thu của T 100.000 đồng đối trừ số tiền 12.830.000 đồng đã thu giữ, T được trả lại 12.730.000 đồng.

+ Tịch thu của V 9.990.000 đồng đối trừ số tiền 23.810.000 đồng đã thu giữ, V được hoàn trả lại 13.820.000 đồng.

Bảo thủ số tiền trả lại cho T và V để bảo đảm việc thi hành án.

+ Tịch thu của anh Vũ Xuân M 546.000 đồng (đối trừ số tiền M đã nộp 200.000 đồng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 161 ngày 27/8/2018 của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Hải Dương), anh Vũ Xuân M còn phải nộp số tiền 346.000 đồng.

+ Tịch thu của anh Trần Đình Q 2.600.000 đồng (đã nộp).

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01 và 04/5/2019, Vũ Văn L và Vũ Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 08/5/2019, Viện trưởng VKSND huyện A ban hành kháng nghị số 09/QĐ-VKS ngày 08/5/2019 kháng nghị một phần Bản án số 16/2019/HS-ST ngày 25/4/2019 của TAND huyện A: Đề nghị cấp phúc thẩm áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS), sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm theo hướng tịch thu của V số tiền 8.100.000 đồng, của T 2.236.000 đồng gồm tiền chưa thanh toán cho V là 1.890.000 đồng và cho M 346.000 đồng.

Tại phiên tòa: Bị cáo T khai ban đầu mượn máy bắn cá, máy bắn gấu khi, nhà kho của L mục đích phục vụ vui chơi giải trí nhưng sau đó thì dùng để đánh bạc. Trong quá trình sử dụng, L có biết việc bị cáo dùng máy bắn cá, máy bắn gấu khi và nhà kho của L để đánh bạc. Ngoài ra, bị cáo T còn khai về cách thức chơi, gây điểm cho các đối tượng đến chơi đồng thời giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo L xác nhận nội dung khai của T là đúng; xác nhận việc X là người cầm cố đồng hồ cho bị cáo lấy tiền chơi máy bắn cá với T; xác nhận anh Y có mang tiền đến chuộc đồng hồ cho X nhưng sau đó X không chuộc lại mà tiếp tục dùng số tiền đó đánh bạc; đồng hồ do X cầm cố hiện đã bị thất lạc. Trình bày lý do chối tội tại giai đoạn sơ thẩm là do không hiểu pháp luật đồng thời giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo T, L và V nhất trí nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên kháng nghị của VKSND huyện A và bổ sung kháng nghị không tuyên tịch thu tiền của Vũ Xuân M và Trần Đình Q; đánh giá tính chất vụ án, áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ mới do các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bị cáo T và L, cũng như việc hai bị cáo đã nhận tin thông qua gia đình nộp một phần tiền phạt. Đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt cho các bị cáo bằng thời hạn tạm giam và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ nội dung kháng nghị của VKSND huyện A và bổ sung kháng nghị của VKSND tỉnh Hải Dương liên quan đến tịch thu khoản tiền của những người có hành vi đánh bạc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Giai đoạn sơ thẩm, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của BLTTHS trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử đối với các bị cáo.

[2]. Về hành vi phạm tội: Nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo V và những người liên quan; phù hợp với tang vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Nên có căn cứ kết luận: Từ khoảng 0 giờ 30 phút ngày 16/8/2018, Vũ Văn L đã cho Vũ Văn T mượn máy điện tử bắn cá, bắn gấu khi cùng với nhà kho của gia đình để T cho các đối tượng đánh bạc, cụ thể: T cài đặt cho V 42 lần với tổng số 81.000 điểm bằng 8.100.000 đồng, số điểm V thắng còn dư trên máy là 6900 điểm bằng 690.000 đồng và dư trên sổ bằng 12000 điểm bằng 1.200.000 đồng; cho Q 12 lần với tổng số là 26.000 điểm bằng 2.600.000 đồng, Q đã thắng được 21.600 điểm bằng 2.160.000 đồng; cho X 1000 điểm bằng 100.000 đồng, X thua 100 điểm còn 900 điểm bằng 90.000 đồng; cho M 02 lần bằng 4.000 điểm bằng 400.000 đồng, điểm còn trên máy 3460 điểm bằng 346.000 đồng, M thắng 146.000 đồng. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc là 13.236.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội đánh bạc nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự tuyên hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo, HĐXX thấy: Trong vụ án, bị cáo T là người chủ động hỏi mượn L công cụ, địa điểm đánh bạc giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo L không trực tiếp tham gia nhưng là người giúp sức cho T đánh bạc với V và một số đối tượng khác nên L là đồng phạm giúp sức, vị trí vai trò của L xếp sau T và V. Tại phiên tòa sơ thẩm, T khai nhận hành vi của mình nhưng không thành khẩn khai về hành vi đồng phạm của L; bị cáo L chối tội trong khi tài liệu có trong hồ sơ đã có đủ căn cứ vững chắc xác định hành vi đồng phạm của L. Nên cả hai bị cáo đều không được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*”. Tại phiên tòa phúc thẩm, cả hai bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nên cấp phúc thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho cả hai bị cáo. Các bị cáo đang bị tạm giam nhưng đã nhả người thân nộp một phần tiền phạt theo quyết định của bản án sơ thẩm, HĐXX coi đó là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS áp dụng cho các bị cáo được hưởng. Như vậy, các bị cáo đều có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên HĐXX chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt cho các bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đồng thời trả tự do cho các bị cáo tại phiên tòa nếu các bị cáo không bị giam hay tạm giam về một tội phạm khác.

[4]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát, HĐXX thấy: T đã cài đặt và ghi sổ cho V 81.000 điểm bằng 8.100.000đ. Quá trình chơi, V thắng điểm đã trả T 12 lần là 81.000 điểm còn dư 12.000 điểm bằng 1.200.000đ gửi trên sổ của T. Khi bị phát hiện bắt giữ trên máy của V còn 6.900 điểm bằng 6.900.000đ. Như vậy, tổng số tiền V đánh bạc là 9.900.000đ; trong đó, V chỉ bỏ ra số tiền mua điểm (nợ) của T là 8.100.000đ còn lại 1.890.000đ là tiền V thắng T, nếu dừng chơi tại đây thì T phải trả cho V. Tuy nhiên, T chưa trả tiền cho V thì đã bị bắt giữ. Do vậy, chỉ được tịch thu của V số tiền 8.100.000đ còn lại phải tịch thu của T là 1.890.000đ. T cài đặt cho Vũ Xuân M 02 lần là 4.000 điểm bằng 400.000đ. Lần thứ nhất, T cài đặt cho M 2.000 điểm bằng 200.000đ (nợ); khi dừng chơi, trên máy của M vẫn còn 2.000 điểm nên T và M đối trừ cho nhau xong. Lần thứ hai, M đưa cho T 200.000đ để T cài đặt cho M 2.000 điểm; đến khi bị bắt giữ, số điểm trên máy của M là 3.460 điểm bằng 346.000đ, nếu thanh toán cho nhau thì T phải trả M 200.000đ tiền mặt đã mua điểm cộng với 146.000đ tiền thắng, tổng là 346.000đ (T chưa trả cho M thì đã bị bắt giữ). Số tiền 346.000đ phải tuyên tịch thu của T mà không được tịch thu của M. Như vậy, số tiền tịch thu của T gồm 100.000đ (là tiền T đánh bạc với X cấp sơ thẩm đã tuyên tịch thu) cộng với 1.890.000đ (là tiền T đánh bạc với V) và 346.000đ (đánh bạc với M), tổng cộng 2.336.000đ.

Số tiền 2.600.000đ do Trần Đình Q và 200.000đ do Vũ Xuân M sử dụng đánh bạc đã bị tịch thu sung quỹ Nhà nước theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 161, 162 ngày 27/8/2018 của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Hải Dương nhưng cấp sơ thẩm vẫn quyết định tuyên tịch thu số tiền trên của Q và M là không đúng. Vì vậy, cần sửa bản án sơ thẩm không tuyên tịch thu số tiền của Trần Đình Q 2.600.000đ, không tịch thu số tiền của Vũ Xuân M 546.000đ (do 346.000đ thu của T và 200.000đ đã tịch thu trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính).

Từ những phân tích trên, HĐXX xét thấy nội dung kháng nghị của VKSND huyện A và kháng nghị bổ sung của VKSND tỉnh Hải Dương là có căn, cần chấp nhận.

[5]. Về án phí: Các bị cáo kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, HĐXX không xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Văn T, Vũ Văn L. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2019/HS-ST ngày 25/4/2019 của TAND huyện A về phần hình phạt đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, 58, 38; điểm i, s khoản 1 và 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Phạt Vũ Văn T 10 (Mười) tháng 12 (mười hai) ngày tù, thời hạn tính từ ngày tạm giam (ngày 07/09/2018) về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, 58, 38; điểm s khoản 1 và 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Phạt Vũ Văn L 08 (tám) tháng 17 (mười bảy) ngày tù, thời hạn tính từ ngày tạm giam (ngày 02/11/2018) về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên trả tự do cho Vũ Văn T và Vũ Văn L tại phiên tòa.

2. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện A và kháng nghị bổ sung của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2019/HS-ST ngày 25/4/2019 của TAND huyện A liên quan đến tịch thu khoản tiền dùng đánh bạc:

- Tịch thu của Vũ Văn T 2.336.000 đồng, đối trừ vào số tiền 12.830.000 đồng đã thu giữ; bị cáo Vũ Văn T được trả lại 10.494.000 đồng.

- Tịch thu của Trần Đình V (Trần Đình K) 8.100.000 đồng, đối trừ số tiền 23.810.000 đồng đã thu giữ, Trần Đình V được trả lại 15.710.000 đồng.

Tiếp tục quản lý số tiền trả lại cho các bị cáo T và V nêu trên để bảo đảm việc thi hành án.

- Không tịch thu số tiền của Trần Đình Q 2.600.000 đồng.

- Không tịch thu số tiền của Vũ Xuân M 546.000 đồng.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Vũ Văn T, Vũ Văn L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Ghi nhận Vũ Văn T và Vũ Văn L mỗi bị cáo đã nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tiền phạt bổ sung theo quyết định bản án sơ thẩm tại biên lai thu tiền số AA/2011/07644 ngày 17/7/2019 và số AA/2011/07645 ngày 17/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (19/7/2019).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện A;
- VKSND huyện A;
- CQCSĐT, Công an huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Trại Tạm giam Kim Chi;
- Sở Tư Pháp tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV – Công an tỉnh Hải Dương;
- UBND xã B;
- UBND thị trấn A;
- Các bị cáo; Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường